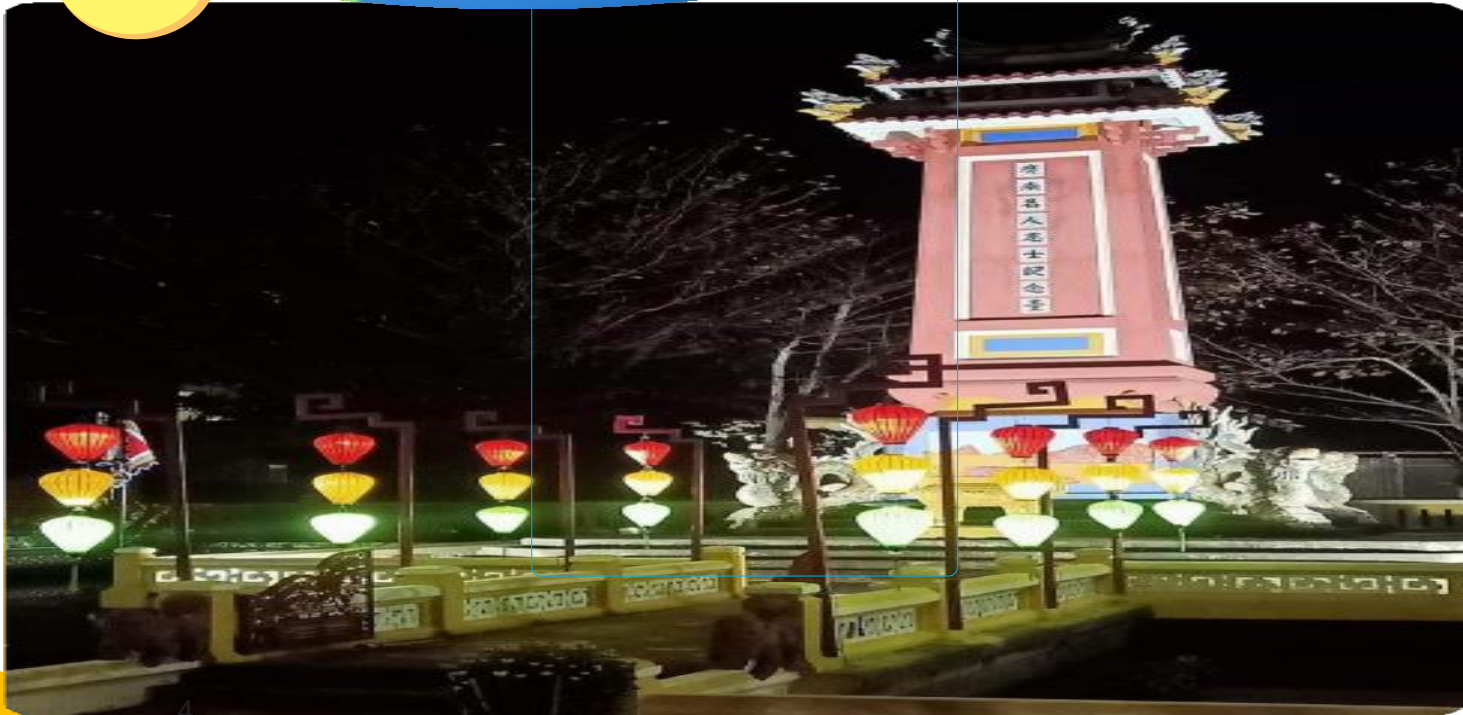


CHỦ ĐỀ

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

1



Hình 1.1 Đài kỷ niệm danh nhân chí sĩ Quảng Nam

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

Mục tiêu:

- Giải thích được khái niệm danh nhân lịch sử và nêu những nét chính về vai trò của danh nhân lịch sử.
- Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu thân thế, sự nghiệp danh nhân lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng.
- Đánh giá được vai trò danh nhân lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng đối với quê hương đất nước.
- Giáo dục học sinh có lòng kính trọng, tri ân và học tập gương sáng danh nhân lịch sử của Đất Quảng.

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

Mở đầu:

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn(1), ở mục tỉnh Quảng Nam, phần phong tục, có đoạn chép về đất và *người* xứ Quảng như sau: "Đàn ông thì lo việc cày ruộng trồng dâu, đàn bà chuyên nghề nuôi tằm dệt vải. Núi sông thanh tú cho nên nhiều người có tư chất thông minh dễ học. Sĩ phu có khí tiết cứng cỏi dám nói, nhưng vì thổ lực không hậu và thể nước chảy gấp, nên tính người hay nóng nảy ít trầm tĩnh, duy có người học vấn uyên thâm mới không bị phong khí ràng buộc...".

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

1. Khái niệm và vai trò của danh nhân lịch sử

a. Khái niệm

- Danh nhân lịch sử là những người nổi tiếng, có những cống hiến nổi bật, có tầm ảnh hưởng lớn đến cộng đồng, được xã hội ghi nhận, lưu danh trong lịch sử dân tộc. Tùy theo lĩnh vực hoạt động và thành tựu, danh nhân lịch sử có thể là những nhà chính trị, nhà quân sự, nhà văn hoá, nhà khoa học,...

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG



Phạm Phú Thứ
(1821 - 1882)



Hoàng Diệu
(1829 - 1882)



Nguyễn Duy Hiệu
(1847 - 1887)



Phan Châu Trinh
(1872 - 1926)



Huỳnh Thúc Kháng
(1876 - 1947)



Trần Quý Cáp
(1870 - 1908)



Nguyễn Thành
(1863 - 1911)



Trần Cao Vân
(1866 - 1916)

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

Nguyễn Văn Thoại (1761 – 1829)

Lê Bá Trinh (1878 – 1934)

Đỗ Thúc Tịnh (1818 – 1862)

Thái Phiên (1882 – 1916)

Ông Ích Khiêm (1829 – 1884)

Ông Ích Đường (1884 – 1908)

Lê Độ (1942 – 1965)

Giáo sư Hoàng Tuy

Huỳnh Bá Chánh (1842 – 1886)

Lê Văn Hiến (1904 – 1998)

Phan Thúc Duyện (1873 – 1944)

Phan Thanh (1908 – 1939)

Thái Thị Bôi (1911 – 1938)

Hồ Nghinh (1913 – 2007)

Nguyễn Bá Phát (1921 – 1993)

Phan Bôi (1911 – 1949)

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

b. Vai trò của danh nhân lịch sử

Trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc, danh nhân lịch sử là người giữ vai trò quan trọng.

- Họ là người khởi xướng, tập hợp lực lượng, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc.
- Họ đi đầu trong công cuộc cải cách, đổi mới; góp công lớn làm thay đổi diện mạo quê hương đất nước trên các lĩnh vực chính trị – tư tưởng, kinh tế – xã hội, khoa học – kĩ thuật, văn hoá – nghệ thuật..



Hoàng Diệu

**Vị Tổng Đốc Tuần Tiết
Cùng Thành Hà Nội**



DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

II. Danh nhân lịch sử tiêu biểu của Đất Quảng

1. Hoàng Diệu (1829 – 1882) :

- Tên thật là Hoàng Kim Tích, tự là Quang Viễn, hiệu
Tĩnh Trai

- **Quê quán:** làng Xuân Đài, huyện Diên Phước (nay là thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

- **Vài nét về sự nghiệp:**

+ Xuất thân trong một gia đình có truyền thống nho học, từ nhỏ ông nổi tiếng là người hiếu học và học giỏi. Sau khi đỗ cử nhân, đỗ phó bảng, Hoàng Diệu được giao nhiều chức vụ quan trọng dưới triều Nguyễn.

1. Hoàng Diệu (1829 – 1882) :

+ Từ năm 1879 đến 1882 (Trong cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần hai), Hoàng Diệu làm Tổng đốc Hà Ninh, quản lý vùng trọng yếu nhất của Bắc Bộ là Hà Nội và vùng phụ cận. Ông đã chỉ đạo quân dân Hà Nội tử thủ chống lại quân đội Pháp, bất chấp triều đình Huế đã chấp nhận đầu hàng. Ngày 25 tháng 4 năm 1882 (tức ngày 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ), thành Hà Nội thất thủ, Hoàng Diệu đã tự vẫn tại Võ Miếu để không rơi vào tay giặc.

+ Hoàng Diệu ra đi như một tấm gương tiết nghĩa凛冽, thà chết chứ nhất quyết không chịu đầu hàng giặc. Ông trở thành biểu tượng bất tử về tinh thần chống Pháp của người Hà Nội và của cả dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

Hoàng Diệu (1829 – 1882)

Trong di biểu gởi vua Tự Đức và triều đình, Hoàng Diệu đã viết: “Ngày mùng 7 tháng này, chúng hạ chiến thư, ngày hôm sau là chúng tiến đánh, quân chúng đông như kiến tụ, súng chúng gầm như sấm vang; ngoài phố lửa cháy tràn lan, trong thành ai nấy táng đờm, tôi vẫn gượng bệnh đốc chiến, đi trước quân lính, bắn chết được hơn trăm tên, giữ thành được nửa ngày...”

Lòng tôi đau như cắt, một tay không thể duy trì. Đã không tài làm tướng, than thân sống chết cũng bằng thừa; thành mất cứu không xong, biết chắc chết không hết tội. Rút lui để mà tính toán về sau ư?... Mấy dòng lệ máu, muôn dặm cửa trời, chỉ mong rục rở đôi vàng, xét soi tấm lòng son là đủ!”

(Lê Minh Quốc, Các nhà chính trị, Tập 10,
NXB Trẻ, Tp. HCM, 2009, tr. 66 – 67)



DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

- Tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã.
- Quê quán: làng Tây Lộc, tổng Vinh Quý, huyện Hà Đông (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam).
- Vài nét sự nghiệp:
 - + Ông đỗ cử nhân, đỗ phó bảng, được triều đình nhà Nguyễn bổ nhiệm làm Thừa biện bộ Lễ (1903).

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

- Tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ, Hy Mã.
- Quê quán: làng Tây Lộc, tổng Vinh Quý, huyện Hà Đông (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam).
- Vài nét sự nghiệp:

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

- Sau khi từ quan (1904), Phan Châu Trinh dành nhiều thời gian gặp gỡ kết giao với các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng ...; đọc “tân thư”, tiếp thu tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, tìm hiểu cuộc Duy Tân ở Nhật Bản

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

- Năm 1905, Phan Châu Trinh cùng với Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp bắt đầu cuộc vận động Duy Tân ở Quảng Nam với chủ trương: khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh.
- Tháng 3/1908, Phan Châu Trinh bị bắt ở Hà Nội và sau đó bị đày đi Côn Đảo (4/1908).
- Trước làn sóng đấu tranh của nhân dân, sự can thiệp của nhiều tổ chức, ông được thực dân Pháp trả tự do và sau đó xuất ngoại sang Pháp. Trong thời gian ở Pháp, Phan Châu Trinh vừa mưu sinh vừa hoạt động trong giới Việt kiều. Đặc biệt, Phan Châu Trinh có mối quan hệ mật thiết với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc) trong thời gian từ năm 1917 đến năm 1923.

CHỦ ĐỀ

1

DANH NHÂN LỊCH SỬ TIÊU BIỂU CỦA ĐẤT QUẢNG

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Năm 1925, Phan Châu Trinh về nước được đông đảo đồng bào đón rước long trọng. Năm sau, do bệnh nặng tái phát, ông qua đời trong niềm thương tiếc vô hạn của quần chúng. Đám tang và lễ truy điệu Phan Châu Trinh trở thành cuộc vận động ái quốc rộng lớn. Những đóng góp của Phan Châu Trinh có ý nghĩa tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc, khơi dậy những giá trị tốt đẹp. Ông là nhà cách mạng dân chủ tiêu biểu của Việt Nam đầu thế kỉ XX.



Hình 1.4. Quang cảnh người dân dự lễ tang và truy điệu Phan Châu Trinh

2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Ngày 24/3/1926, Phan Châu Trinh qua đời tại Sài Gòn, một đám tang lớn cho nhà cách mạng được tổ chức khắp nước và cả ở nước ngoài. Đám tang Phan Châu Trinh vừa thể hiện sự tiếc thương nhà chí sĩ, vừa trở thành một cuộc biểu dương lực lượng lớn chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam đến bây giờ. Trong “Báo cáo gửi Quốc tế

Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam” năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã nhắc lại sự kiện này như sau: “Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà ái quốc – Phan Châu Trinh, khắp nước đều có tổ chức lễ truy điệu... Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử”.

Một số tác phẩm nổi tiếng của Phan Châu Trinh

Đầu Pháp chính phủ thư (1906)

Hiện trạng vấn đề (1907)

Hợp quần doanh sinh thuyết quốc âm tự (1907)

Tây Hồ thi tập (tập hợp thơ làm trong nhiều năm)

Tuồng Trưng Nữ Vương (soạn chung với Huỳnh Thúc Kháng và Phan thúc Duyên năm 1910)

Trung Kỳ dân biến tụng oan thủy mạt ký (1911)

Santé thi tập (gồm hơn 200 bài thơ, soạn trong tù tại Pháp, 1915)

Thư thất điều (thư vạch 7 tội của vua Khải Định, 1922)

Giai nhân kỳ ngộ diễn ca (Gồm hơn 7.000 câu thơ lục bát, soạn 1912-1913)

Tỉnh quốc hồn ca I, II (phần I, làm khi ở Việt Nam (1907), phần II, làm khi sang Pháp (1922). Đây là thơ hiệu triệu, thức tỉnh đồng bào, tạo dân khí mạnh, đề cao dân quyền)

Bức thư trả lời cho người học trò tên Đông (1925)

Đông Dương chính trị luận (1925)

Đạo đức và luân lý Đông Tây (1925)

Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa (1925)

Ngoài ra, ông còn có các bài diễn thuyết và một số thơ (không nằm trong Tây Hồ thi tập) và câu đối chữ Hán ông làm từ 1902-1912...

3. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947)

- Tên thật là Huỳnh Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Mính Viên.
- Quê ở làng Thạnh Bình (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).
- Ông đỗ giải Nguyên trong kì thi Hương (đứng đầu kì thi Hương) và đến năm 1904 đỗ Tiến sĩ trong kì thi Hội.
- Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan mà dần thân vào các hoạt động yêu nước diễn ra sôi nổi đầu thế kỉ XX. Ông cùng với các chí sĩ yêu nước đã khởi xướng, lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Quảng Nam, sau đó lan rộng ra cả nước.

3.4. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947)

- Năm 1908, ông bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn Đảo suốt 13 năm. Năm 1921, ông được trả tự do.
- Năm 1926, ông trúng cử Dân biểu và được bầu làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ và kiên quyết đấu tranh công khai đòi thực dân Pháp phải cải cách dân chủ, bảo vệ quyền lợi dân tộc.
- Năm 1927, ông lập ra nhà in và báo Tiếng Dân, tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở miền Trung, có vai trò lớn trong việc công khai nói lên tiếng nói của người Việt Nam yêu chuộng hoà bình, độc lập, tự do và tự chủ.

3.4. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947)

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời ông tham gia nội các Chính phủ và kiêm nhiệm nhiều chức vụ.
- Tháng 5/1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp, ông được giao giữ chức Quyền Chủ tịch nước. Với cương vị này, ông đã tham gia giải quyết nhiều công việc, góp phần quan trọng điều hành bộ máy Nhà nước, chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề về đối nội và đối ngoại theo phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

3.4. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947)

- Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử ông làm Đặc phái viên của Chính phủ đi kinh lí miền Trung để giải thích đường lối kháng chiến, kêu gọi toàn dân ủng hộ Chính phủ, ủng hộ cách mạng.
- Ngày 21/4/1947, trong chuyến kinh lí miền Trung, do tuổi cao, sức yếu và lâm bệnh nặng, Huỳnh Thúc Kháng qua đời tại tỉnh Quảng Ngãi trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước.

3.4. Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947)

Đánh giá về công lao của Huỳnh Thúc Kháng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khó không làm nản chí, oai vũ không làm sồn gan. Cả đời cụ Huỳnh không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập,...”



3.5. Võ Chí Công (1912 – 2011)

- Tên khai sinh là Võ Toàn
- Sinh năm 1912 trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Ông sớm giác ngộ cách mạng và tích cực hoạt động phong trào thanh niên. Tháng 5/1935, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1943, ông bị địch bắt kết án tù chung thân, sau giảm xuống 25 năm tù và đày đi nhà tù Buôn Ma Thuột.

3.5. Võ Chí Công (1912 – 2011)

- Tháng 3 năm 1945, sau khi được trả tự do, ông trở về tham gia Ủy ban khởi nghĩa, giành chính quyền ở Quảng Nam – Đà Nẵng trong Cách mạng tháng Tám.
- Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư khu uỷ kiêm Chính uỷ quân khu V, ông đã lãnh đạo quân dân Quảng Nam – Đà Nẵng lập nhiều chiến công vang dội, góp phần làm nên trang sử oai hùng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

3.5. Võ Chí Công (1912 – 2011)

- Sau ngày thống nhất đất nước, Võ Chí Công được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách ngành nông nghiệp.
- Năm 1987, được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, ông có những đóng góp quan trọng vào đổi mới hoạt động của Quốc hội, đặc biệt là công tác lập hiến và lập pháp.
- Từ năm 1991, ông làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII và khoá VIII.
- Ông mất ngày 8 tháng 9 năm 2011 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Võ Chí Công (1912 – 2011)

- Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Võ Chí Công là người có tầm nhìn chiến lược, vững vàng trước những biến động của thời cuộc, nhạy bén với cái mới,... Ông đã nghiên cứu và đề xuất những vấn đề lớn đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.
- Ông là một nhà lãnh đạo không chỉ được nhân dân quý trọng trong kháng chiến, trong xây dựng, đổi mới phát triển đất nước mà còn là người có phẩm chất đạo đức trong sáng, đức tính giản dị, khiêm nhường.



Hình 1.6. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công
thăm xí nghiệp may huyện Núi Thành năm 1992



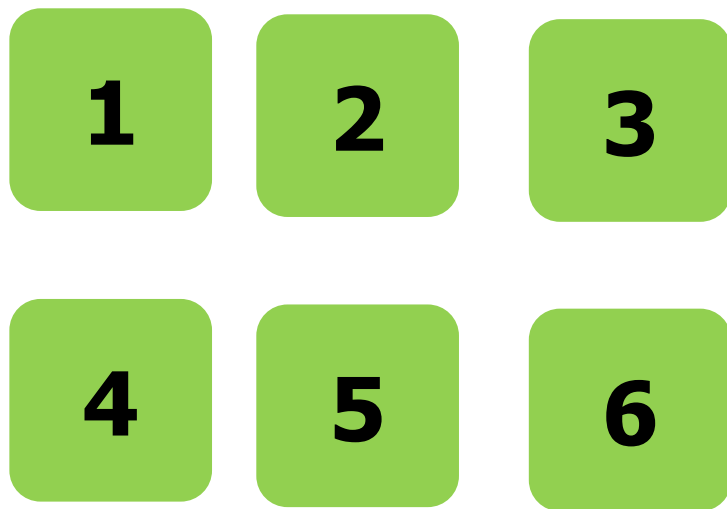


Mẹ Thứ – biểu tượng vĩnh hằng của Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Quần thể tượng đài Bà mẹ Việt Nam anh hùng được xây dựng tại khu núi Cẩm, thôn Phú Thạnh, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 7/2009 và hoàn thành ngày 24/3/2015 nhân kỉ niệm 40 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam. Tượng đài Bà mẹ Việt Nam anh hùng được thiết kế dựa trên nguyên mẫu mẹ Việt Nam anh

hùng Nguyễn Thị Thứ (Điện Thắng, Điện Bàn). Mẹ có chín người con trai, một con rể và hai cháu ngoại đã hi sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Mẹ đã được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Cuộc đời mẹ đã trở thành huyền thoại và là biểu tượng mẫu mực của những Bà mẹ Việt Nam giàu lòng yêu nước và đức hi sinh cao cả dành cho dân tộc.

VÒNG QUAY MAY MẮN



QUAY

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 1

Em hãy kể tên 1 số danh nhân lịch sử tiêu biểu của đất Quảng?

Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng....



**Quay
phần
thưởng**

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 2

Em hãy cho biết năm sinh – năm mất của cụ Phạm Phú Thứ?

1821 – 1882



**Quay
phần
thưởng**

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 3

*Em hãy cho biết cụ
Phan Châu Trinh sinh
vào năm nào?*

1872



**Quay
phần
thưởng**

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 4

Em hãy cho biết quê quán cụ Hoàng Diệu?

Làng Xuân Đài, Điện Bàn, Quảng Nam



**Quay
phần
thưởng**

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 5

Tự là Tử Cán, hiệu Tây Hồ. Ông là ai?

Phan Châu Trinh



Quay
phần
thưởng

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu hỏi số 6

Năm 1987, ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà Nước. Hiến pháp năm 1992 có sự đóng góp rất quan trọng của ông. Ông là ai?

Võ Chí Công



Quay
phần
thưởng

ĐOÁN HÌNH ẨN GIẤU



1

3

2

4



Nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng tại Tiên Phước – Quảng Nam

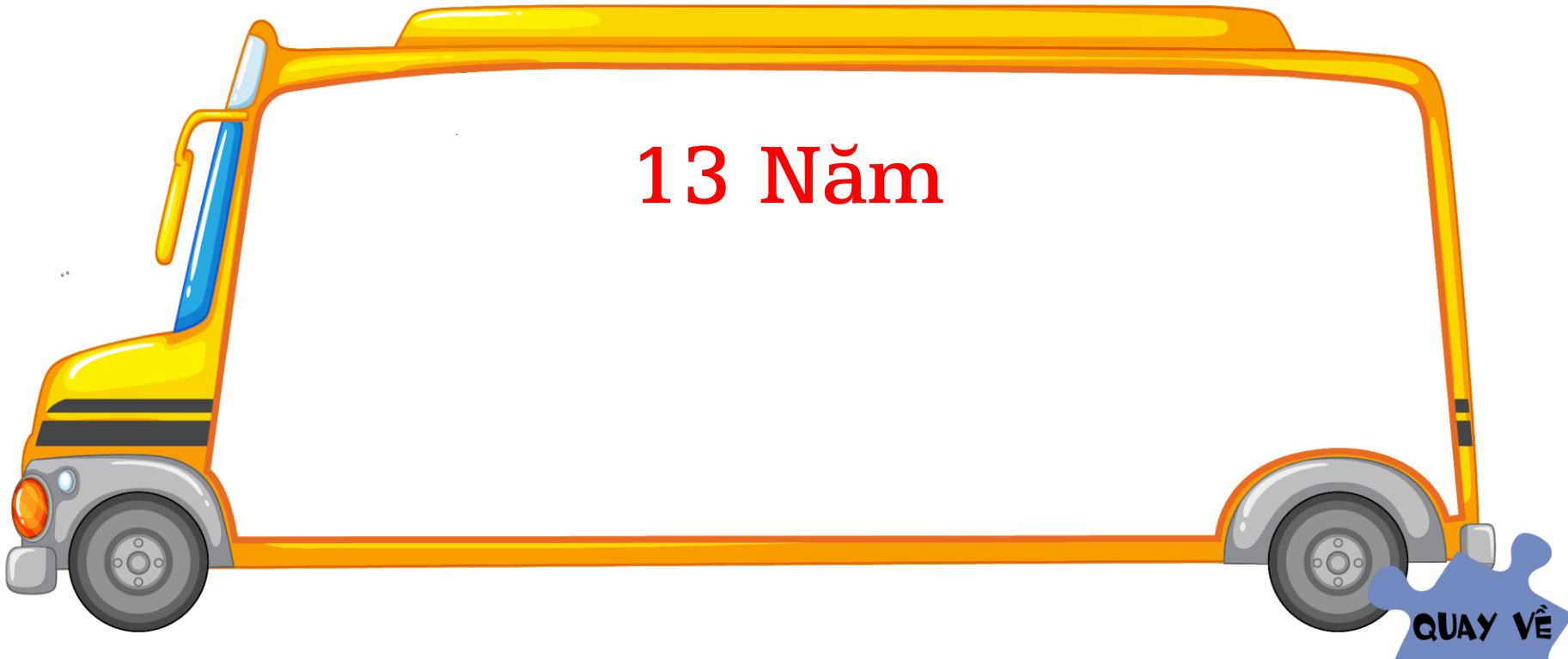
Câu hỏi 1: Huỳnh Thúc Kháng tên thật là gì?

- Huỳnh Hanh.



Câu hỏi 2: Huỳnh Thúc Kháng bị bắt và bị
đày đi Côn Đảo bao nhiêu năm?

13 Năm



QUAY VỀ

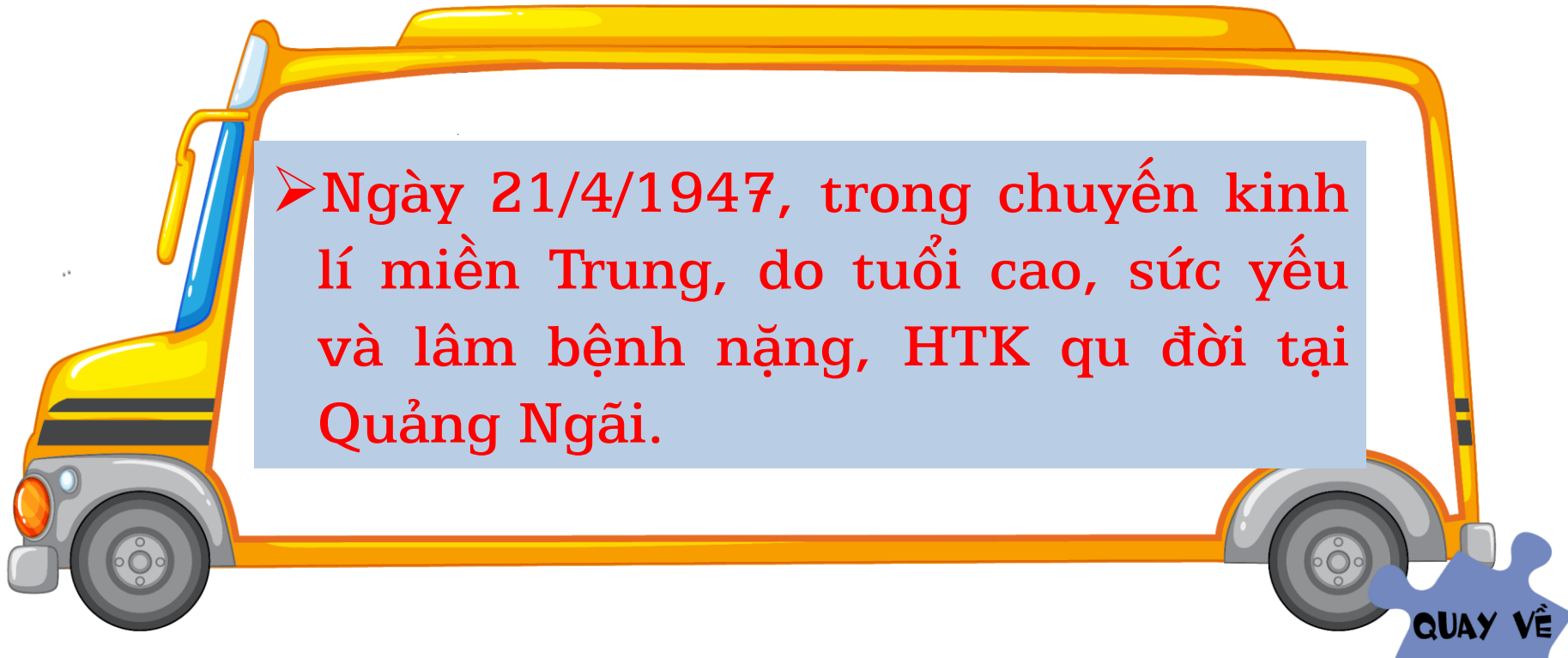
Câu hỏi 3: Tháng 5/ 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp, ông được giao giữ chức Quyền Chủ tịch nước. Ông là ai?

Huỳnh Thúc Kháng



Câu hỏi 4: Huỳnh Thúc Kháng mất vào năm nào? Hoàn cảnh nào?

➤ Ngày 21/4/1947, trong chuyến kinh lí miền Trung, do tuổi cao, sức yếu và lâm bệnh nặng, HTK qu đời tại Quảng Ngãi.



Hoàng Tụy

Nhà toán học



Hoàng Tụy là một giáo sư, nhà toán học tiêu biểu của Việt Nam. Cùng với Giáo sư Lê Văn Thiêm, ông là một trong hai người tiên phong trong việc xây dựng ngành Toán học của Việt Nam. Hoàng Tụy được coi là cha đẻ của lĩnh vực Tối ưu hóa toàn cục trong Toán học ứng dụng. [Wikipedia](#)

Ngày/nơi sinh: 7 tháng 12, 1927, [Điện Bàn](#)

Ngày mất: 14 tháng 7, 2019, [Hà Nội](#)

Học vấn: [Đại học Quốc gia Moskva](#)

Quốc tịch: Việt Nam

Phan Khôi (**chữ Hán**: 潘瓌; 1887 - 1959), bút danh **Chương Dân**, là một học giả tên tuổi, một nhà thơ, nhà văn, thành viên nhóm **Nhân Văn - Giai Phẩm**, cháu ngoại của Tổng đốc Hà Nội **Hoàng Diệu**, đỗ Tú tài **chữ Hán** năm 19 tuổi nhưng lại mở đầu và cổ vũ cho **phong trào Thơ mới**.

Phan Khôi



Sinh

6 tháng 10 năm 1887
Điện Bàn, Quảng Nam

Mất

16 tháng 1 năm 1959
(71 tuổi)
Hà Nội

Giáo sư Hoàng Châu Ký (1921 - 2008) là nhà hoạt động văn hoá, nhà văn, nhà nghiên cứu **sân khấu dân gian Việt Nam**. Ông là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Ca kịch dân tộc Việt Nam (nay là **Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội**), nguyên Tổng Thư ký **Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam**, nguyên Viện trưởng Viện Sân khấu - Bộ Văn hóa. Ông có nhiều đóng góp lớn trong việc nghiên cứu, bảo tồn, phát triển và truyền bá nghệ thuật **tuồng**.



Giáo sư Hoàng Châu Ký